

Bản án số: 99/2024/HS-ST
Ngày: 22-07-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Minh Hoan và bà Vũ Thị Thuý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 91/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2024, đối với:

Bị cáo NGUYỄN NGỌC L1 sinh ngày 03/12/2002, tại huyện T, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn B, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: lớp 09/12; căn cước công dân số 034202009977; con ông Nguyễn Văn T sinh năm 1973 và bà Bùi Thị Q sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2021/HSST ngày 03/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm (bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/8/2022, nộp xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 01/3/2022)

- Tiền sự: không.

- Nhân thân: ngày 10/3/2021, bị cáo bị Công an xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền 1.500.000 đồng) về hành vi trộm cắp tài sản; đã nộp tiền phạt ngày 27/4/2021.

- Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 14/5/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. (Có mặt)

* *Bị hại:* Bà Bùi Thị N sinh năm 1974; địa chỉ: thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt).

* *Người làm chứng:*

- Anh Hà Minh T1 sinh năm 1994; địa chỉ: thôn Đ, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt).

- Chị Lê Thị Bích N1 sinh năm 1981; địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt).
- Ông Khúc Văn D sinh năm 1975; địa chỉ: thôn T, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt).
- Anh Bùi Văn Đ sinh năm 1996; địa chỉ: thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 13/5/2024, sau khi uống nước tại quán C ở thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình, bị cáo Nguyễn Ngọc L1 ra về; nhìn thấy quán bán tre luồng của gia đình bà Bùi Thị N ở đối diện quán cà phê V không có người trông coi, không khóa cổng nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Bị cáo đến khu chăn nuôi gia cầm ở phía sau nhà bà N và quan sát thấy cửa chuồng gà không khóa, bị cáo mở cửa chuồng rồi bắt 04 con gà trống, loại gà ta, lông màu nâu - đen, bị cáo dùng đoạn dây điện và túi nilon có sẵn ở đó để trói chân 04 con gà rồi xách mỗi tay 02 con gà đi theo lối cửa phía sau vườn để ra đường. Khi đến cửa hàng kinh doanh xăng dầu, cách quán bán tre luồng khoảng 60m, bị cáo gặp 02 nhân viên của cửa hàng là anh Hà Minh T1 và chị Lê Thị Bích N1 chào bán gà nhưng anh T1 và chị N1 không mua. Lợi dụng lúc anh T1 và chị N1 đang bán hàng, bị cáo đem 04 con gà vào nhà để xe của cửa hàng xăng dầu cất giấu rồi đi đến quán cà phê V mượn điện thoại của anh Bùi Văn Đ, để gọi điện thoại cho anh Khúc Văn D là người lái xe ôm đến đón. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi bị cáo đang chuẩn bị ngồi lên xe mô tô của anh D, mục đích mang gà đi bán thì bị Công an xã D đi tuần tra phát hiện, dẫn giải về trụ sở cơ quan làm việc và đã trả lại 04 con gà cho bà N.

Bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 16/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện T kết luận: 04 (bốn) con gà trống, loại gà ta, lông màu nâu - đen, có tổng trọng lượng là 7,4kg, trị giá 444.000 đồng.

Cáo trạng số 95/CT-VKSTT ngày 08/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc L1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa;

- Bị cáo Nguyễn Ngọc L1 không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc L1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

+ Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51;

Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L1 từ 06 đến 09 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Ngọc L1: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa không có sự thay đổi so với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; bị cáo đã thừa nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo là đúng; lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, gồm: Đơn trình báo, lời khai của người bị hại; lời khai của người làm chứng; Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T lập ngày 14/5/2024; Bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 16/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện T.

[3] Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn để kết luận:

Tối ngày 13/5/2024, lợi dụng sơ hở của gia đình bà Bùi Thị N sinh năm 1974, trú tại thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình, bị cáo Nguyễn Ngọc L1 đã trộm cắp của bà N 04 con gà trống, loại gà ta, lông màu nâu - đen, có tổng trọng lượng 7,4kg, trị giá 444.000 đồng.

[4] Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định về tội trộm cắp tài sản như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm...;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[5] Bị cáo Nguyễn Ngọc L1 là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội nhưng vì lòng tham bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

[6] Mặc dù giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng nhưng bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố.

[7] Bị cáo Nguyễn Ngọc L1 là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần trộm cắp tài sản, bị xử phạt hành chính và bị kết án nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm mà còn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, thể hiện bị cáo rất coi thường pháp luật.

[8] Tài sản mà bị cáo trộm cắp đã được cơ quan điều tra quản lý và trả lại ngay cho bị hại; quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối cải; được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[10] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy, phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình là phù hợp, vừa thể hiện được tính nghiêm minh nhưng cũng thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Bùi Thị N đã nhận lại 04 con gà, không yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc L1 phải bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

[12] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 đoạn dây điện dài 1,35m, vỏ nhựa màu đen; 01 mảnh túi nilon trong suốt, đã bị rách, phần quai có nút thắt cố định mà Cơ quan điều tra quản lý của bị cáo; xác định là tài sản của bà N nhưng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu để tiêu hủy.

[13] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc L1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc L1 phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1,

khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L1 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/5/2024.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Nguyễn Ngọc L1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu để tiêu huỷ 01 đoạn dây điện dài 1,35m, vỏ nhựa màu đen; 01 mảnh túi nilon trong suốt, đã bị rách, phần quai có nút thắt cố định (Vật chứng được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/7/2024)

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Ngọc L1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/7/2024; bà Bùi Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Anh